

第 2 - 4 單元

jiǔ gè jiǔ tiān dà wáng

(九 个) (九 天) (大 王)

wáng zǐ shàng wǔ zhōng wǔ

(王 子) (上 午) (中 午)

shàng xià xià wǔ shàng qù

(上 下) (下 午) (上 去)

lái qù shí nián qù nián

(来 去) (十 年) (去 年)